

Học “lễ” là học “đạo”

ISSN: 2734-9195 20:37 09/12/2021

Tác giả: **Nhà Nghiên cứu văn hóa Hoàng Đoàn Trang**

“Tiên học lễ, hậu học văn” – câu hiệu không xa lạ với người Việt, từ trẻ nhỏ cho tới người già, ai ai cũng đã từng nghe. Gần đây, có ý kiến là nên bỏ khẩu hiệu này trong nhà trường để rèn luyện cho học sinh tư duy phản biện?

Có hai luồng dư luận, một bên cổ xúy cho “*tư duy phản biện*” (critical thinking), rằng trẻ nhỏ cần phải đặt câu hỏi về mọi thứ, đặc biệt là quy tắc. Chúng cần phải học cách chủ động thách thức những gì được coi là khuôn phép mực thước, để được phát triển khả năng lập luận, biện chứng, và sáng tạo. Bên kia, là những diễn ngôn văn hoá về cái gì được coi là “*lễ*”, mà phần lớn, ở việc kính trên nhường dưới, đi thưa về chào. Rốt cuộc, cũng chỉ là câu chuyện “*ông nói gà, bà nói vịt*”, mà chưa có những ý kiến đi sâu về giá trị của “*lễ*”.

Muốn nói về “*lễ*” cho trọn vẹn, thì buộc phải hiểu nguồn gốc chữ “*lễ*”. Khổng tử từng nói: Bất học lễ, vô dĩ lập 礼 立 – không học Lễ, không có gì để dựng nên. Hậu nhân không hiểu, có nơi dịch thành: “*không học Lễ, thì không biết đi đứng*”, nên có người hiểu lễ giản đơn là “*đi thưa, về chào*”.

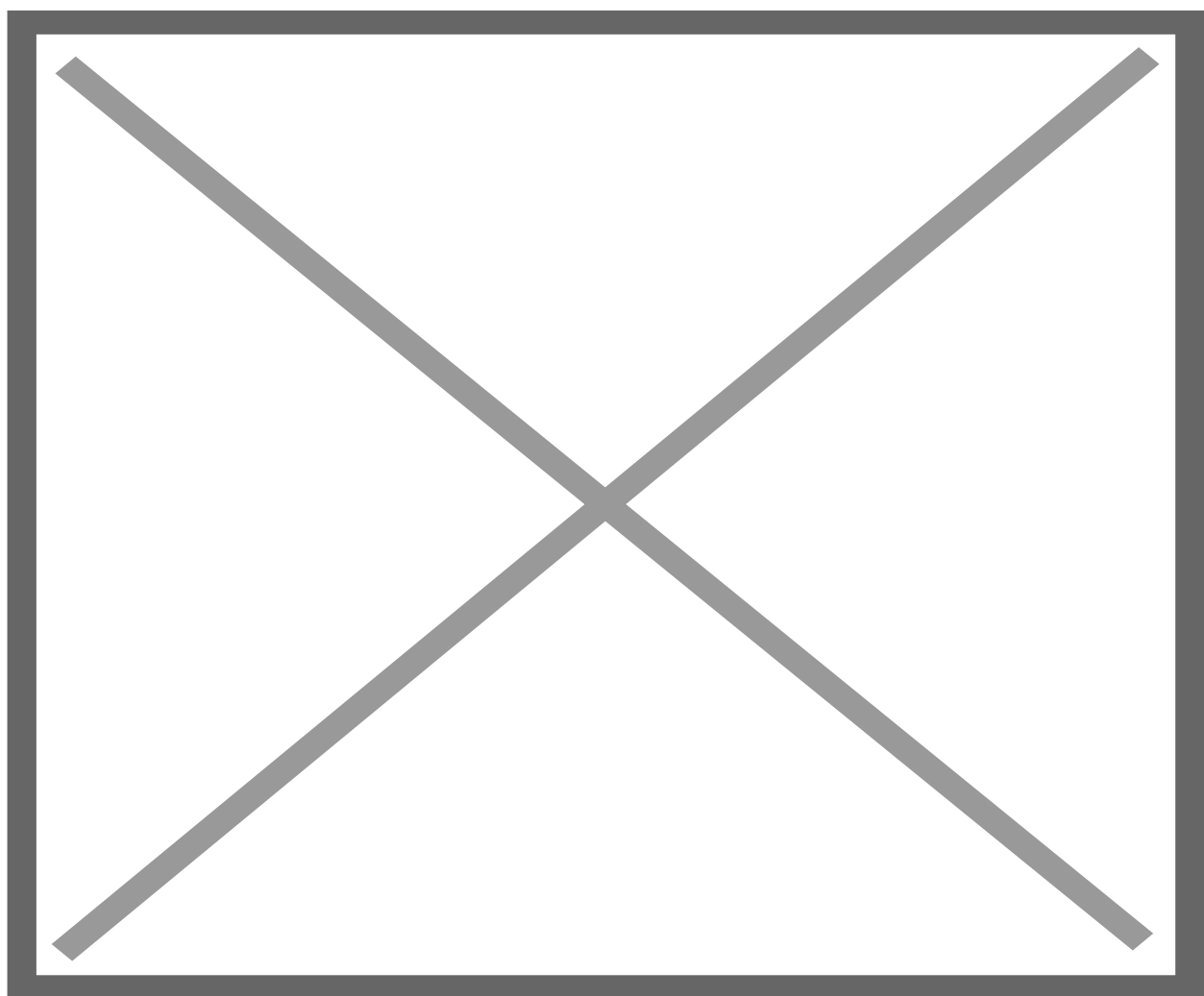
Lễ kinh là một trong năm bộ kinh quan trọng nhất của Nho gia, mà lễ ở đây không phải chỉ nói đến cái trước sau, trên dưới như từ “*lễ phép*”. Lễ kinh trước để dạy thiên tử, thời Đông Hán có Trịnh Huyền chú giải kỹ càng, nói về cái đạo lý của “*trước sau, trên dưới*” chân chính. Đời Nam Tống, Chu Hy biên soạn lại phần chính văn, tự thêm chú giải, chủ trương để dạy Lễ cho nam tử, bất kể xuất thân, chức vị. Phàm là người học, muốn nên chính nhân quân tử, buộc phải học qua Lễ.

“*Lễ ký*” này giải thích những đạo lý cơ bản của con người, mà trong đó, bao gồm cả tư duy phản biện: “*trí tri tại cách vật 知 知 知 知*” – muốn hiểu sự đến, thì xét cho cùng cái nơi mà nó đến, “*khiết cử chi đạo 知 知 知 知*” – cái đạo lý thâm độ, mỗi người, mỗi vị trí, mỗi trách nhiệm phải đảm đương, lại có cách để đối xử khác nhau, mà chẳng nằm ngoài lòng nhân từ, hiếu để.

Đấy chẳng phải là tư duy phản biện sao?

Then chốt của câu khẩu hiệu “*tiên học lễ, hậu học văn ấy*”, không nằm ở chỗ có nên bỏ hay không, mà ở chỗ có thể dạy cho người ta hiểu cái đạo lý của “*lễ*” hay không. Nếu chỉ là cái khoanh tay, cúi rạp trước người lớn, hay câu mời cơm ráo hoảnh, thì giữ hay không, cũng không thể hiện được chữ “*lễ*” đã phân nào định hình văn hoá Việt.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi dẫn chú giải của Trịnh Huyền trong thiên “*Lễ ký chú sớ*” để đọc giả tiếp cận một góc nhìn về cách hiểu chữ “*lễ*” của người xưa được đủ đầy hơn. Qua đó, chắt lọc những tinh hoa của học thuyết Nho giáo để hiểu “*lễ*”, ứng xử đúng “*lễ*” và xây dựng tư duy phản biện, tư duy văn hóa cho học sinh trong nền tảng giáo dục trong xã hội ngày nay.



Thiên “*Thái học*” – Trịnh Huyền chú giải.



Con đường của thái học, ở việc làm tỏ đức sáng, ở việc thương yêu dân, ở việc hướng đến cái chí thiện. Đạt đến sự hiểu biết ấy rồi mới có lòng ổn định, ổn định rồi mới có sự yên tĩnh, yên tĩnh rồi mới có sự an, an rồi mới có thể suy gẫm, suy gẫm rồi mới có thể thành công. Mọi vật đều có gốc có ngọn, mọi sự đều có khởi đầu có kết thúc, hiểu được những điều trước sau ấy, ắt đã tiến gần đến đạo lý vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ "*minh minh đức*" ý nói làm sáng tỏ cái đức tốt cùng của mình vậy. Chữ "*chỉ*", giống như việc chấp nhận bốn phận của mình vậy. Chữ "*đắc*" tức là đạt được sự hoà hợp của mọi sự vậy.



Người xưa muốn chiếu đức sáng của mình xuống khắp thiên hạ, thì trước hết phải trị được quốc gia. Muốn trị quốc gia, trước phải sửa nhà mình. Muốn sửa nhà mình, trước phải tu thân mình. Muốn tu thân mình, trước phải khiến lòng mình ngay thẳng. Muốn lòng ngay thẳng, trước phải khiến cho ý nghĩ của mình thành thật. Muốn ý thành thật, trước phải suy xét cả những gì mình đã biết.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ "*tri*", tức là hiểu được cái khởi nguồn, kết cục của thiện ác, cát hung vậy.

Hiểu biết về cái thiện mà thâm sâu thì ắt sẽ vời việc thiện đến với mình, hiểu biết về cái ác mà thâm sâu thì ắt sẽ vời việc ác đến với mình, cho nên mới nói duyên cớ của mọi sự đều dựa vào chí hướng của con người rất nhân quả, nhân bản.



Sự đến mà sau ta lại hiểu được nó đến từ đâu. Biết nó đến từ đâu mà sau ý nghĩ của ta sẽ thành thật. Khiến cho ý nghĩ thành thật mà sau làm ngay thẳng lòng mình. Lòng ngay thẳng mà sau tu sửa thân. Tu sửa thân mà sau sửa trị nhà. Sửa trị nhà mà sau trị được nước. Nước trị được mà sau thiên hạ yên. Từ bậc thiên tử cho đến nơi dân thường, thì tất cả những việc ấy đều lấy cái gốc ở việc tu thân. Cái gốc loạn mà trên ngọn muốn trị được thì chẳng bao giờ có. Nơi phải hậu đãi thì lại bạc bẽo, nơi mình bạc bẽo lại mong được hậu đãi, thì chưa từng có như vậy. Ấy gọi là biết tận gốc. Ấy gọi là khởi nguồn của sự hiểu biết vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Hai chữ "*nhất thị*" hiểu là chuyên tâm làm việc ấy.



Cái gọi là khiến ý mình thành thật ấy, có nghĩa là không tự dối lừa chính mình vậy. Như việc ghét mùi hôi thối, như việc thích điều xinh đẹp, là tự thoả mãn, chấp nhận mình vậy, cho nên quân tử ắt phải thận trọng nơi riêng mình. Kẻ tiểu nhân khi nhàn cư thì không thiện, không có điều gì không làm đến. Khi thấy quân tử thì quay đi, che giấu cái không thiện mà cố tỏ được phần thiện trong mình. Việc soi xét của người nơi ta, như thấy được cả tâm can, thì làm vậy có ích gì? Ấy gọi là bên trong thực như thế nào thì bên ngoài thể hiện như vậy. Cho nên quân tử ắt phải thận trọng nơi riêng mình.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*khiêm*” đọc như chữ “*khiếm*”, mà chữ “*khiếm*” ấy ý nói đến chữ “*yếm*” (tự thoả mãn) vậy. Chữ “*yếm*” đọc như chữ “*yếm*.” “*Yếm*” nghĩa là vẻ che đậy vậy.



Tăng tử nói: “*Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ*” (Mười mắt thấy, mười tay chỉ trở, chính là cái khắt khe khó chối cãi vậy.) Giàu làm đẹp nhà, đức làm đẹp thân, tấm lòng rộng rãi mà con người thì khoan thai đại lượng. Cho nên quân tử ắt phải khiến cho ý mình thành thật.

Trịnh Huyền chú giải: Hai chữ “*ng nghiêm hồ*” ý nói người ta phải nể sợ vậy. Chữ “*bàn*” giống chữ “*đại*”, nghĩa là lớn vậy. Ba điều ấy ý nói nếu bên trong có thực như thế nào thì sẽ hiển hiện ở bên ngoài như vậy.



Thi kinh có câu: “*Chiêm bỉ Kỳ úc, lục trúc y y. Hữu phi quân tử, như thiết như tha, như trác như ma, sắt hề hản hề, hách hề huyền hề. Hữu phi quân tử, chung bất khả huyền hề.*” (Ngóng trông khúc sông Kỳ, trúc xanh tươi tốt. Có chàng quân tử sáng láng, như được đẻo gọt, như được mài giữa, rực rỡ oai phong, lẫn lừng hiển hách. Có chàng quân tử sáng láng, chết không thể quên vậy). Câu “*như thiết như tha*” nói về sự học vậy. Câu “*như trác như ma*” nói về sự tự tu dưỡng mình vậy. Câu “*sắt hề hản hề*” nghĩa là kính sợ vậy. Câu “*hách hề huyền hề*” nghĩa là sự uy nghi vậy. Câu “*hữu phi quân tử, chung bất khả huyền hề*” nói rằng đức lớn và lòng chí thiện là điều mà dân không thể quên vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Ấy là ý “*tâm quang thể bản*” trong Thi kinh vậy. “*Úc*” nghĩa là bờ sông vậy. “*Lục trúc y y*” ẩn dụ cho vẻ đẹp tràn đầy. “*Phi*” vẻ sáng láng vậy. Chữ “*huyền*” nghĩa là quên vậy. Chữ “*đạo*” giống chữ “*ngôn*” nghĩa là nói về cái gì. Chữ “*tuân*”, có thể chép là chữ “*tuấn*”, đọc như chữ “*tuấn*” trong *ng nghiêm tuấn*, ý nói có dung mạo nghiêm chỉnh, kính cẩn vậy. Dân không quên được, bởi ý của người ấy thành thực và cái đức của người đó sáng tỏ vậy.



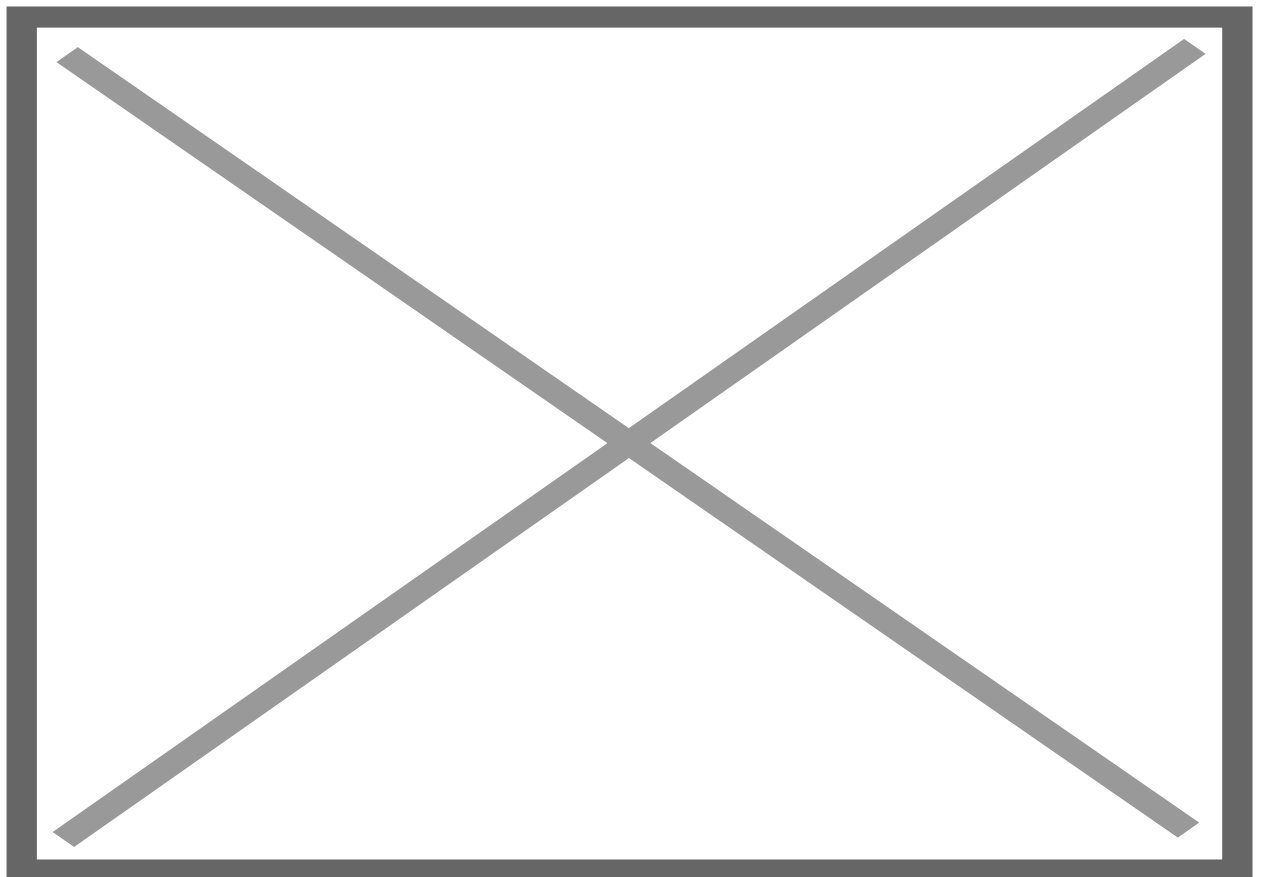
Thi kinh có câu: “Ô hô tiền vương bất vong.” (Than ôi vua đời trước không quên). Quân tử mến trọng người hiền của tiền vương, yêu thương người thân của tiền vương, tiểu nhân thì được hưởng cái vui sướng của tiền vương, được làm lợi từ cái lợi của tiền vương. Vì vậy tiền vương đã chết rồi mà đời không quên vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Bậc thánh nhân đã có cái đức của việc yêu thương mến trọng, mà sách lược của họ lại có lợi lạc cho dân. Quân tử hay tiểu nhân, mỗi người lại có lý do riêng để kính nhớ tiền vương.



Trong “Khang Cáo” chép: “Khắc minh đức” (có thể làm sáng tỏ cái đức), “Thái Giáp” chép: “Cố thị thiên chi minh mệnh” (xem xét cái mệnh phải mà trời cho mình), “Đế Điển” chép: “Khắc minh tuấn đức” (có thể làm sáng tỏ đức lớn), thì đều từ việc làm sáng tỏ vậy.

[caption id="attachment_11609" align="aligncenter" width="704"]



Hình minh họa đạo thầy trò xưa (nguồn internet)[/caption]

Trịnh Huyền chú giải: Điều từ việc làm sáng tỏ cái đức sáng của mình vậy. “Khắc” nghĩa là có thể vậy. “Cố” nghĩa là nghĩ ngợi vậy. “Thị” nghĩa là phải,

đúng với vậy. “Đế Điển”, “Nghieu Điển” đều là tên trong thiên “Thượng thu” vậy. “Tuấn” nghĩa là to lớn vậy. Chữ “thị” cũng có thể hiểu như chữ “đề”, nghĩa là bình xét, suy xét vậy.

Bài thơ “Bàn minh” của vua Thang chép: “Cấu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân” (Muốn mỗi ngày lại mới, thì ngày nào cũng phải làm mới, thêm một ngày lại làm mới). Trong “Khang Cáo” chép: “Tác tân dân” (làm mới dân). Trong Thi kinh chép: “Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân, thị cố quân tử vô sở bất dụng kỳ cựu.” (Nhà Chu tuy chỉ còn là nước cũ, nhưng lại có mệnh mới, cho nên quân tử không có việc không được dùng hết khả năng của mình).

Trịnh Huyền chú giải: “Bàn minh” là bài thơ nhắc nhở khắc trên chậu tắm vậy. Chữ “cựu” nghĩa là hết, tận vậy. Quân tử mỗi ngày làm mới cái đức của mình thì sẽ làm việc tận tâm, tận lực, không có chỗ dư ra vậy.

Thi kinh có câu: “Bang kỳ thiên lý, duy dân sở chỉ” (Bờ cõi ngàn dặm, là nơi ở của dân). Thi kinh lại có câu: “Mân man hoàng điểu, chỉ ư khâu ngưng” (Đàn chim hoàng điểu quay về tựa vào vách núi). Khổng tử nói: “U chỉ, tri kỳ sở chỉ, khả dĩ nhân nhi bất như điểu hồ?” (Việc quay về, là biết nơi mình tựa vào, [con chim biết đậu], mà còn người lại có thể không được như con chim chăng?).

Trịnh Huyền chú giải: “U chỉ”, nơi tựa vào của con chim vậy. Gộp những điều đó vào mà nhìn nhận, thì “tri kỳ sở chỉ” là việc hiểu được con chim chọn nơi an nhàn, rậm rạp mà quay về trú ẩn thôi. Ý nói con người cũng nên chọn nơi lễ, nghĩa, nhạc mà tựa vào vậy. Luận ngữ chép: “Lý nhân vi mỹ. Trạch bất xử nhân, yên đắc tri?” (Chọn nơi nhân đức làm đẹp mà ở. Chọn nơi ở mà không có nhân đức, thì có thể hiểu biết được chăng?)

Thi kinh có câu: “Mục mục Văn vương, ư tập hy kính chỉ.” (Văn vương uy nghi ở chỗ có thể sáng soi). Làm vua, thì dựa vào lòng nhân ái. Làm thần, thì dựa vào lòng kính. Làm con, thì dựa vào lòng hiếu. Làm cha, thì dựa vào lòng nhân từ. Giao thiệp với người làm việc cho quốc gia, thì dựa vào chữ tín.

Trịnh Huyền: Chữ “tập hy” hiểu là chiếu sáng vậy. Đoạn ấy ca ngợi cái đức sáng rõ của Văn vương, biết kính trọng nơi cần dựa vào để mà làm theo.



Khổng tử nói: “*Thính tụng, ngô do nhân dã. Tất dã sử vô tụng hồ?*” (Khi nghe lời biện tụng, ta cũng như người, ắt phải khiến cho không còn lời biện tụng nữa). Kẻ không thành thì không được nói hết lời mình, bởi ta khiến lòng dân phải kính sợ.

Trịnh Huyền chú giải: “*Tình*” cũng giống như chưa “*thật*”, nghĩa là thành thật vậy. Kẻ không thật thì lắm lời hư hão. Việc thánh nhân nghe lời biện tụng, cũng như dân nghe lời biệt tụng. Cho nên ắt phải khiến cho kẻ không thành thật không dám nói hết lời mình, khiến cho tâm chí hẳn phải kính sợ, khiến cho ý của hẳn thành thật trở lại mà không dám kiện tụng nữa.

Ấy chính là biết được cái gốc.

Trịnh Huyền chú giải: “*Bổn*”, cái gốc, tức là việc “*thành kỳ ý*”, khiến cho lòng ngay thẳng vậy.



Cái gọi là tu thân ở việc khiến lòng mình ngay thẳng ấy, bản thân mà có điều phần chí, tức giận, thì ắt không thể đạt được sự ngay thẳng; có điều sợ hãi, ắt không thể đạt được sự ngay thẳng; có điều ưa thích hưởng thụ, ắt không thể đạt được sự ngay thẳng; có điều lo buồn, ắt không thể đạt được sự ngay thẳng. Tâm không đặt tại nơi ấy, thì nhìn cũng không thấy, nghe cũng không hiểu, ăn cũng không biết vị. Ấy gọi là tu thân ở việc khiến lòng mình ngay thẳng.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*chí*” nghĩa là vẻ phần nộ vậy, có thể viết chữ “*chí* □ ” hoặc chữ “*chí* □ ”



Cái gọi là tề gia ở việc tu thân ấy, con người khi đến với người thân yêu thì thiên lệch, khi đến với người mình ghét thì thiên lệch, khi đến với người mình kính sợ thì thiên lệch, khi đến với người mình thương xót thì thiên lệch, khi đến với người mình khinh nhờn thì thiên lệch. Cho nên thích gì mà biết mặt xấu của nó, ghét gì mà biết mặt tốt của nó, trong thiên hạ có rất ít. Bởi vậy mà ngàn ngữ có câu rằng: “*Nhân mạc tri kỳ tử chi ác, mạc tri kỳ miêu chi thạc.*” (Con người chẳng có ai biết con mình xấu, chẳng có ai biết lúa nhà mình cao lớn). Ấy gọi là thân không tu thì không có gì để tề gia.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “chi” nghĩa là đi đến, đến với vậy. Chữ “thí” nghĩa là nói cho rõ vậy, ý nói khi đến với một kẻ kia, thì trong lòng cũng tự đo lường rằng: “Ta có sao phải thương yêu người ấy, không phải vì người ấy có cái đức đẹp ư? Ta có sao phải khinh miệt người ấy, không phải vì cái đức hạnh của người ấy bạc bẽo ư? Rồi soi xét ngược lại mình, ắt có thể tự biết thân mình đã tu được hay chưa vậy. Chữ “tiến” nghĩa là hiếm vậy. Con người chẳng ai biết con mình ác, bởi vì yêu thương nên không biết tề, nấn chỉnh con cái. Chữ “thạc” nghĩa là to, lớn vậy.



Cái gọi là trị quốc trước hết phải tề gia ấy, nhà mình không thể dạy dỗ được mà lại dạy dỗ được người thì không có chuyện như thế. Cho nên quân tử không phải rời nhà mà vẫn có thể đạt được việc giáo dục quốc gia. Lòng hiếu là cái để phụng sự vua vậy. Lòng đễ là cái để phục vụ bề trên vậy. Lòng nhân từ là để sai khiến chúng dân vậy. Trong “Khang Cáo” nói: như việc nuôi con đò, lòng đưa con thật sự muốn điều gì, mình đoán không trúng thì cũng không quá xa mong muốn ấy, chứ chưa từng có chuyện học cách nuôi con rồi mới gả chồng vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Việc nuôi con ấy, suy từ lòng mình thế nào mà nghĩ là điều trong lòng đưa con muốn vậy.



Một nhà yêu thương nhau cũng tương đồng với cái gốc của lễ tiết vậy, thì một nước sẽ giàu lòng nhân; một nhà nhường nhịn, thì một nước giàu sự nhường nhịn; một người tham ác, thì một nước sẽ làm loạn. Nền tảng của quốc gia là như vậy. Ấy gọi là một lời cũng làm hồng việc, một người cũng có thể ổn định quốc gia.

Trịnh Huyền chú giải: “Nhất gia” (một nhà), “nhất nhân” (một người), là nói đến vua vậy. Chữ “cơ” nghĩa là nơi khởi nguồn của sự phát triển vậy. Chữ “phẫn” giống như nói huỷ hoại vậy. “Xuân Thu truyện” có câu: “Đặng lệ chi.” (Lên xe ngựa mạnh bạo.) Lại rằng “Trịnh Bá chi xa phẫn ư Tế” (Xe ngựa của Trịnh Bá bị lật ở sông Tế). Chữ “lệ” có thể là chữ “lận”, nghĩa là tham luyến. Chữ “phẫn” cũng có thể là chữ “bôn”, nghĩa là trốn chạy, thua chạy.



Vua Nghiêu, vua Thuấn dẫn dắt thiên hạ bằng lòng nhân, mà dân noi theo. Vua Kiệt, vua Trụ dẫn dắt thiên hạ bằng lòng bạo, mà dân cũng học theo. Mệnh lệnh của vua mà trái ngược với điều ham muốn của vua, thì dân không nghe theo.

Trịnh Huyền chú giải: Ý nói về việc giáo hoá dân bằng đức hạnh của vua vậy. Vua thích của cải mà lại chặn đường tài lợi của dân, thì không thể chính trực vậy.



Cho nên quân tử có những điều nhân nhượng nơi mình trước rồi mới đi cầu nơi người, không có điều tham lệp thì mới có thể chỉ trích nơi người. Kẻ cố tình phớt lờ việc không nên làm với người điều mình không muốn, mà lại có thể chỉ bảo người khác, chưa từng có vậy. Cho nên trị quốc ở việc tề gia.

Trịnh Huyền chú giải: “*Hữu ư kỷ*” (có nơi mình) là nói về việc có lòng nhân nhượng vậy. “*Vô ư kỷ*” (không có nơi mình) là nói về việc tham lệp vậy.



Thi kinh có câu: “*Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn. Chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân.*” (Cây đào xinh đẹp, lá cây tươi tốt. Cô gái về nhà chồng, hoà thuận với người nhà ấy). “*Nghi kỳ gia nhân*”, hoà hợp với người nhà ấy rồi mới có thể dạy người trong nước. Thi kinh lại có câu: “*Nghi huynh nghi đệ.*” (Hoà hợp với anh em). “*Nghi huynh nghi đệ*”, hoà hợp với anh em, rồi mới có thể dạy dỗ người trong nước. Thi kinh có câu: “*Kỳ nghi bất thắc, chánh thị tứ quốc.*” (Uy nghi không sai lệch, thì sẽ làm mẫu mực cho bốn phương). Việc làm cha con, anh em đủ để làm quy chuẩn, thì sau dân mới noi theo vậy. Ấy gọi là trị quốc ở việc tề gia.

Trịnh Huyền chú giải: “*Yêu yêu*”, “*trăn trăn*” chỉ vẻ xinh đẹp. Hai chữ “*chi tử*” hiểu như “*thị tử*”, tức là con gái vậy.



Cái gọi là bình thiên hạ ở việc trị quốc ấy, là bề trên biết kính người già thì nơi dân hưng thịnh lòng hiếu, vua thương xót kẻ mồ côi thì nơi dân hưng thịnh lòng để, để cao lòng thương xót kẻ mồ côi thì nơi dân không làm phản. Ấy là bởi quân tử có đạo thâm độ vậy.

Trịnh Huyền chú giải: “*Lão lão*”, “*trưởng trưởng*”, tức là bề trên người già, kính trọng bề trên vậy. Chữ “*tuất*” nghĩa là lo buồn, thương cảm. “*Dân bất bội*”, nghĩa là dân không bỏ mình, bội bạc vậy. Chữ “*khiết*” giống như chữ “*kết*” (kết lại), chữ “*khiết*” (nêu lên) vậy. Chữ “*cử*” nghĩa là phép tắc vậy. Quân tử có đạo để đề ra khuôn phép, tức là tùy theo việc mình đảm đương mà làm, hành động việc làm đều không có sai sót gì vậy. Chữ “*bội*” có nơi chép là “*bội*.” Chữ “*cử*” có nơi chép là “*cự*.”

tài biết tán ra thì dân hợp lại. Cho nên lời bội nghịch phát ra thì cũng thu về bội nghịch, của cải do bội nghịch để thu về thì cũng vì bội nghịch mà tiêu tan mất.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*su*” nghĩa là chúng dân vậy. Chữ “*khắc*” nghĩa là có thể vậy. Ý nói vua Ất của nhà Ân theo ý bề trên, chưa từng sai với dân thời ấy, đức lại hợp với trời, tức là trời đã nhận vật cúng tế của vua vậy. Còn vua Trụ thì ác, mà dân oán thật giận, cho nên mới mất thiên hạ. Xem xét việc nhà Ân, [mới hiểu rằng] mệnh lớn của trời muốn đạt thành không dễ vậy. Chữ “*đạo*” giống chữ “*ngôn*”, nghĩa là ý nói điều gì. Chữ “*dụng*” tức là “*quốc dụng*” vậy. “*Thi đoạt*” tức là thực thi ý niệm cướp đoạt vậy. Chữ “*bội*” giống chữ “*ngịch*”, nghĩa là phản lại vậy. Ý nói nơi vua có chuyện làm trái mệnh trời, thì nơi dân ắt có chuyện làm trái lệnh vua. Trên tham lợi lộc, ắt người dưới làm phản. Lão tử nói: “*Đa tàng tất hậu vong*” (Tích trữ nhiều thì ắt sẽ mất nhiều).



Trong “*Khang Cáo*” chép: “*Duy mệnh bất vu thường*” (mệnh không bất biến), ý nói thiện thì ắt đạt được mệnh ấy, mà không thiện thì sẽ mất nó vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*vu*” nghĩa “*ư*” là ở nơi nào. “*Thiên mệnh bất ư thường*” (mệnh trời không bất biến), ý nói sẽ không đặt riêng ở một nhà nào.



Trong “*Sở thư*” chép: “*Sở quốc vô dĩ vi bảo, duy thiện dĩ vi bảo*” (Nước Sở không có gì là bảo vật, chỉ có lòng thiện là bảo vật).

Trịnh Huyền chú giải: “*Sở thư*” là sách thời Sở Chiêu Vương vậy. Ý nói lấy người thiện làm bảo vật. Bấy giờ đang nói về hai người Quan Xạ Phụ và Chiêu Hề Tuất vậy.



Cửu Phạm nói: “*Vong nhân vô dĩ vi bảo, nhân thân vi bảo*” (Kẻ lưu vong không có gì làm bảo vật, lòng thương yêu chính là bảo vật).

Trịnh Huyền chú giải: Cửu Phạm là Hồ Yển, chú của Tấn Văn Công. “*Vong nhân*” là nói Văn Công vậy, bấy giờ nói lời gièm chê Li Cơ phải đi lưu vong ở nước Địch. Hiến Công mất đi, Tần Mục Công sai Tử Hiến đến viếng, nhân đó khuyên ngài phục quốc, Cửu Phạm vì thế mà đáp lời vậy. “*Nhân thân*” giống như nói thân ái, nhân đạo vậy. Làm rõ việc không lợi dụng đám tang mà mưu tính lợi ích vậy.



Trong “Tần thệ” nói rằng: nếu có một bậc thần tiết tháo, không hề có tài nghệ gì khác, mà tâm người ấy tốt đẹp, thì bằng như có lòng khoan đãi. Người khác có tài, cũng như mình cũng có tài. Tài nghệ như thánh của người, nếu lòng người ấy yêu mến, thì không thể nói hết bằng lời. Nếu thật có thể dung nạp người kia, thì có thể che chở cho con cháu, bách tính của ta, bề trên cũng có lợi thay! Còn với người có tài, đố kỵ mà ghen ghét người ta. Với người tài năng như bậc thánh, mà chia rẽ, khiến họ không được nhìn thấu [cái tài], thì không thể dung nạp được, bởi không thể bảo vệ con cháu, bách tính của ta, cũng là nguy hiểm thay!

Trịnh Huyền chú giải: “Tần thệ” là tên một thiên trong “Thượng thư.” Tần Mục Công đem quân đi đánh nước Trịnh, bại dưới Tấn Sở ở núi Hào, quay về thệ với quần thần, mà viết ra thiên ấy. Hai chữ “đoán đoán” nghĩa là nhất nhất vậy. “Tha kỹ” hiểu là tài nghệ khác lạ vậy. Trong “hữu kỹ” thì “kỹ” nghĩa là tài nghệ vậy. “Nhược kỉ hữu chi, bất thí nhược tự kì khẩu xuất”, đều có ý ca người người có lòng thiện sâu sắc vậy. Người sĩ đẹp đẽ là nghĩa chữ “ngạn” trong câu. Chữ “lê” giống chữ “chúng,” nghĩa là dân chúng vậy. Chữ “thượng”, giống chữ “thứ ki”, nghĩa là phải chăng vậy. Chữ “mạo” giống chữ “đố”, nghĩa là ghen ghét vậy. Chữ “vi” giống chữ “lệ”, nghĩa là chia rẽ, chia lìa vậy. Chữ “tỉ”, giống chữ “sử”, nghĩa là khiến cho vậy. Làm ngược lại điều mà hiền nhân làm, khiến cho công lao của hiền nhân không được vua biết đến vậy. Chữ “đãi” giống chữ “nguy”, nghĩa như nguy hiểm vậy. Chữ “ngạn” có nơi chép là chữ “bàn.”



Chỉ có người nhân ái thì mới biết đem đày họ đi, chạy tới tứ phương, man di, không cùng ở Trung quốc. Ấy tức là chỉ có người nhân thì mới có thể yêu người, ghét người.

Trịnh Huyền chú giải: Việc lưu đày những loại người ác độc, đố kỵ, chỉ có người nhân mới làm được, như vua Thuấn đày những kẻ tứ tội đi mà cả thiên hạ hàm phục.



Thấy người hiền mà không tiến cử, tiến cử mà không đặt người ấy trước mình, thì ấy là vô phép vậy. Thấy việc không thiện mà không ngăn ngại, ngăn ngại mà không tránh xa, cũng là sai lầm vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “mệnh” phải đọc là “mạn”, âm đọc bị lẫn lộn. Tiến cử người hiền mà không thể khiến vua đặt họ trước mình, thì là khinh rẻ người mình tiến cử vậy.



Thích điều mà người ghét, ghét điều mà người thích, tức là làm trái lại bản tính con người, thì tai hoạ ắt đến nơi mình.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*phát*” giống chữ “*quỷ*”, nghĩa là trái lạ vậy. Chữ “*đãi*” nghĩa là đến với vậy.



Cho nên quân tử có đại đạo thì ắt phải từ trung tín mà nên, kiêu ngạo tự mãn thì sẽ mất.

Trịnh Huyền chú giải: Ý nói về phương pháp thực hành đại đạo. Việc sinh ra của cải cũng có đạo đạo. Kẻ sinh ra thì nhiều, kẻ ăn xài thì ít, kẻ làm ra thì nhanh, kẻ dùng đến thì chậm, ắt tiền tài mãi đủ vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Tức là không chuyên tâm vào vợ vệt lộc thì không hết, nên khuyến khích dân làm nông vậy.



Người nhân thì dùng tiền tài để phát triển mình, kẻ bất nhân thì dùng thân để sinh tiền tài.

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*phát*” có nghĩa là khởi lên vậy. Ý nói người nhân mà có tiền tài, ắt sẽ chuyên tâm vào việc bố thí phân phát, để khởi được danh tiếng tốt đẹp. Kẻ bất nhân mà có tiền tài thì chuyên tâm thu góp, khởi tiền tài chỉ để giàu có hơn.



Chưa từng có chuyện bề trên ưa lòng nhân và bên dưới không hiếu, không nghĩa vậy. Chưa từng có chuyện biết hiếu nghĩa mà việc lại không thành vậy. Chưa từng có phủ khố nào không phải tiền tài của vua vậy.

Trịnh Huyền chú giải: Ý nói quân tử thực hành đạo lý của lòng nhân, ắt quần thần phải nghĩa. Lấy nghĩa để làm việc thì không có việc gì không thành thật. Người quan ấy thành thật, thì trong phủ khố có gì cũng là vua có vậy.



Mạnh Hiến Tử nói rằng: đã cưỡi xe ngựa, thì không quan tâm đến gà lợn. Nhà có bằng đá để dùng, thì không chứa trâu dê. Nhà có trăm mẫu đất, thì không nuôi kẻ thu thuế. So với việc nuôi quan thu thuế, thì thà nuôi kẻ trộm. Ấy gọi là quốc

gia không lấy lợi làm lợi, mà lấy nghĩa làm lợi.

Trịnh Huyền chú giải: “*Phạt bằng chi gia*” chỉ vị quan lớn khi làm lễ tang tế thì dùng bằng đá. “*Bách thừa chi gia*” chỉ người có cả thái ấp vậy. “*Kê đồn*” (gà lợn), “*ngưu dương*” (trâu dê) là những con vật mà dân nuôi để kiếm lợi vậy. Quốc gia mà lợi từ nghĩa chứ không lợi từ tiền tài, thì chỉ có kẻ trộm cắp là mất tiền tài mà thôi, còn quan tham thu góp thì tổn nghĩa. Trong “*Luận ngữ*” chép [lời Khổng Tử]: Họ Quý giàu hơn Chu công, mà Cầu lại làm quan thu góp cho họ. Hắn không phải là đệ tử của ta, các con hãy giống trống mà đòi trách phạt vậy.



Kẻ đứng đầu quốc gia mà chỉ chăm chú dùng tiền tài, ắt từ tiểu nhân mà ra.

Trịnh Huyền chú giải: Ý nói kẻ mà chỉ biết vơ vét tiền tài vào của riêng, ắt sẽ mất đi nghĩa, ấy là bản tính của kẻ tiểu nhân vậy.



Người ấy lại yêu thích kẻ tiểu nhân, dùng kẻ tiểu nhân để làm việc của quốc gia, thì tai vớ hại sẽ cùng đến, dầu có người thiện đấy, cũng có thể làm gì được nữa?

Trịnh Huyền chú giải: Chữ “*bỉ*” nói đến vua vậy. Vua muốn lấy nhân nghĩa thiện làm sách lược, mà lại dùng tiểu nhân để làm việc quốc gia, thì hoạn nạn sẽ đến một lượt, tuy nói rằng có người thiện, cũng không thể cứu được, bởi vì việc ác đã hiển lộ rồi.



Ấy gọi là quốc gia không lấy lợi làm lợi, mà lấy nghĩa làm lợi vậy.

Tác giả: **Nhà Nghiên cứu văn hóa Hoàng Đoàn Trang**